

**LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI -
TÀI CHÍNH - ỦY BAN DÂN TỘC
VÀ MIỀN NÚI**

**THÔNG TƯ liên tịch số 03/2001/TTLT-
BLĐTBXH-BTC-UBDTMN ngày
18/1/2001 hướng dẫn thực hiện
chế độ phụ cấp khu vực.**

Thi hành Nghị định số 25/CP và Nghị định số 26/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, công nhân, viên chức hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang và các doanh nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Thông tư số 15/LĐTBXH-TT ngày 02/6/1993 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực. Sau nhiều năm thực hiện, do có sự thay đổi về địa giới hành chính của một số xã, huyện, tỉnh hoặc do điều kiện kinh tế - xã hội của một số địa phương đã được cải thiện, nên mức phụ cấp khu vực áp dụng cho từng địa bàn quy định tại Thông tư số 15/LĐTBXH-TT ngày 02/6/1993 nói trên đã bộc lộ một số bất hợp lý cần sửa đổi, bổ sung.

Thực hiện ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 4734/VPCP-VX ngày 31/10/2000 của Văn phòng Chính phủ, sau khi thống nhất với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Ủy ban Dân tộc và Miền núi hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Phụ cấp khu vực đối với những người sống, làm việc ở những vùng có điều kiện khí hậu xấu; xa xôi, hẻo lánh, cơ sở hạ tầng thấp kém, đi lại, sinh hoạt khó khăn góp phần ổn định và thu hút lao động.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- Cán bộ giữ chức vụ bầu cử Nhà nước, Đảng, đoàn thể;

- Công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp, kể cả lao động hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế (nếu có);

- Cán bộ, công chức, công nhân viên làm việc trong cơ quan Đảng, đoàn thể;

- Người lao động làm việc trong các doanh nghiệp;

- Sĩ quan, những người hưởng lương và phụ cấp (sinh hoạt phí) trong lực lượng vũ trang;

- Những người nghỉ hưu, nghỉ việc vì mất sức lao động, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hưởng trợ cấp hằng tháng thay lương;

- Thương binh (kể cả thương binh loại B, người hưởng chính sách như thương binh), bệnh binh hưởng trợ cấp hằng tháng mà không phải là người hưởng lương, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

III. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH VÀ CÁCH TRẢ PHỤ CẤP KHU VỰC

A. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH PHỤ CẤP KHU VỰC

1. Các yếu tố xác định phụ cấp khu vực:

- Yếu tố địa lý tự nhiên như: khí hậu xấu, thể hiện ở mức độ khắc nghiệt về nhiệt độ, độ ẩm, áp suất không khí, tốc độ gió, độ cao,... cao hoặc thấp hơn so với bình thường, làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người;

- Xa xôi, hẻo lánh (mật độ dân cư thưa thớt, xa các trung tâm văn hóa, chính trị, kinh tế, xa đất liền...), đường xá, cầu cống, trường học, cơ sở y tế, dịch vụ thương mại, văn hóa thấp kém, đi lại khó khăn, ảnh hưởng đến đời sống vật chất và tinh thần.

Ngoài ra, khi xác định phụ cấp khu vực có thể xem xét bổ sung các yếu tố đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, sinh lây.

2. Phụ cấp khu vực được quy định chủ yếu theo địa giới hành chính xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã). Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã nào thì hưởng theo mức phụ cấp khu vực của xã đó. Một số trường hợp đặc biệt đóng xa dân hoặc giáp ranh với nhiều xã sẽ được xem xét để quy định mức phụ cấp khu vực riêng.

3. Khi các yếu tố dùng xác định phụ cấp khu vực thay đổi, địa bàn xã thay đổi (chia, nhập, thành lập mới...), phụ cấp khu vực được xác định hoặc điều chỉnh lại.

B. MỨC PHỤ CẤP KHU VỰC

1. Phụ cấp khu vực được quy định gồm 7 mức 0,1; 0,2; 0,3; 0,4; 0,5; 0,7 và 1,0 so với mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định. Mức 1,0 so với mức lương tối thiểu chỉ áp dụng đối với những hải đảo đặc biệt khó khăn, gian khổ như: quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa.

Mức tiền phụ cấp khu vực được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức tiền phụ cấp khu vực} = \text{Hệ số phụ cấp khu vực} \times \text{Mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định}$$

Ví dụ 1: Năm 2001, với mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định là 210.000 đồng/tháng, các mức phụ cấp khu vực tính bằng tiền là:

Mức	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện từ ngày 01 tháng 1 năm 2001
1	0,1	21.000 đồng
2	0,2	42.000 đồng
3	0,3	63.000 đồng
4	0,4	84.000 đồng
5	0,5	105.000 đồng
6	0,7	147.000 đồng
7	1,0	210.000 đồng

Riêng hạ sỹ quan, chiến sỹ thuộc lực lượng vũ trang hưởng phụ cấp, mức phụ cấp khu vực được tính trên mức phụ cấp quân hàm binh nhì. Mức tiền phụ cấp khu vực được tính theo công thức tính sau:

$$\text{Mức tiền phụ cấp khu vực} = \text{Hệ số phụ cấp khu vực} \times \text{Mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định} \times 0,3$$

Ví dụ 2: Năm 2001, với mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định là 210.000 đồng/tháng, các mức phụ cấp khu vực tính bằng tiền của hạ sỹ quan, chiến sỹ lực lượng vũ trang là:

Mức	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện từ ngày 01 tháng 1 năm 2001
1	0,1	6.300 đồng
2	0,2	12.600 đồng
3	0,3	18.900 đồng
4	0,4	25.200 đồng
5	0,5	31.500 đồng
6	0,7	44.100 đồng
7	1,0	63.000 đồng

2. Căn cứ vào các yếu tố xác định và mức phụ cấp khu vực nêu trên, sau khi trao đổi ý kiến với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và một số Bộ, ngành liên quan, liên Bộ ban hành Danh mục các địa bàn xã và một số đơn vị được hưởng phụ cấp khu vực tại Phụ lục 1(*) kèm theo Thông tư này.

Trong tình hình thực tế hiện nay, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện điều chỉnh phụ cấp khu vực, đối với các xã hoặc đơn vị có điều chỉnh giảm phụ cấp khu vực thì được bảo lưu mức phụ cấp khu vực đang thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/LĐTBXH-TT ngày 02/6/1993 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Phụ lục 2 kèm theo)* trong thời gian 1 năm, kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2001 đến ngày 31 tháng 12 năm

2001. Từ ngày 01 tháng 1 năm 2002 hưởng theo mức phụ cấp mới quy định tại Phụ lục 1(*) của Thông tư này.

C. CÁCH TÍNH TRẢ PHỤ CẤP KHU VỰC

1. Phụ cấp khu vực được xác định, tính trả theo nơi làm việc đối với những người tại chức; được xác định, tính toán, chi trả theo nơi đăng ký thường trú và nhận lương hưu, trợ cấp thay lương đối với người nghỉ hưu và người hưởng trợ cấp theo quy định.

2. Phụ cấp khu vực được trả cùng kỳ lương, trợ cấp hàng tháng. Đối với các đối tượng hưởng lương và trợ cấp theo quy định từ ngân sách nhà nước, phụ cấp khu vực do ngân sách nhà nước chi trả theo phân cấp ngân sách hiện hành: đơn vị địa phương quản lý do ngân sách địa phương đảm bảo; đơn vị Trung ương quản lý do ngân sách trung ương đảm bảo trong dự toán ngân sách được giao hàng năm cho đơn vị.

Đối với doanh nghiệp, phụ cấp khu vực được tính vào đơn giá tiền lương và hạch toán vào giá thành hoặc phí lưu thông.

3. Trường hợp đi công tác, đi học, điều trị, điều dưỡng thời hạn từ 1 tháng trở lên thì hưởng phụ cấp khu vực theo mức quy định ở nơi đến công tác, học tập, điều trị, điều dưỡng; nơi mới đến không có phụ cấp khu vực thì thôi hưởng phụ cấp khu vực ở nơi trước khi đi.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các Bộ, ngành căn cứ vào danh mục các địa bàn xã và một số đơn vị được hưởng mức phụ cấp khu vực để tổ chức thực hiện. Trường hợp cần điều chỉnh hoặc bổ sung phụ cấp khu vực phải bảo đảm các yêu cầu sau:

1. Trên nguyên tắc quản lý theo lãnh thổ, các

cơ quan, đơn vị đóng tại địa phương có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, cân đối tổng hợp, sau đó có văn bản gửi liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Ủy ban Dân tộc và Miền núi xem xét, quyết định.

Riêng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc các Bộ, ngành đóng xa dân hoặc giáp ranh với nhiều xã thì do Thủ trưởng các Bộ, ngành đề nghị liên Bộ xem xét, cân đối chung.

2. Hồ sơ đề nghị được giải quyết hưởng phụ cấp khu vực gồm các nội dung sau:

a) Phạm vi đề nghị hưởng phụ cấp khu vực (xã, phường, thị trấn, thành phố thuộc tỉnh) thuyết minh và phân định rõ địa giới hành chính của đơn vị đề nghị hưởng phụ cấp khu vực, vẽ bản đồ địa giới hành chính xã với đường giao thông thủy, bộ, độ cao so với mặt nước biển.

b) Thuyết minh cụ thể các yếu tố liên quan đến việc xác định hưởng phụ cấp khu vực, mức phụ cấp khu vực đang hưởng của các xã lân cận (nếu có) và mức đề nghị được áp dụng.

c) Dự tính số đối tượng hưởng phụ cấp khu vực trên địa bàn và nhu cầu kinh phí để thực hiện việc điều chỉnh hoặc bổ sung phụ cấp khu vực cho các đối tượng có liên quan trên địa bàn (trong đó tính riêng cho số đối tượng hưởng lương, trợ cấp từ ngân sách nhà nước).

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá, Ban Dân tộc và Miền núi và các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức việc thực hiện Thông tư này và đề nghị liên Bộ xem xét điều chỉnh phụ cấp khu vực khi phát sinh.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 1 năm 2001, thay thế Thông tư số 15/LĐTBXH-TT ngày 02/6/1993 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về liên Bộ để xem xét, giải quyết./.

Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

NGUYỄN THỊ HẰNG

Bộ trưởng Bộ Tài chính

NGUYỄN SINH HÙNG

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban
Dân tộc và Miền núi

HOÀNG ĐỨC NGHỊ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

QUYẾT ĐỊNH số 01/2001/QĐ-BGDĐT
ngày 29/1/2001 về việc thi tuyển sinh
vào các trường đại học, cao đẳng
đối với hình thức vừa học vừa làm
(hệ tại chức cũ) thuộc phương thức
giáo dục không chính quy.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 29/CP ngày 30/3/1994 của Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 05/1999/QĐ-BGDĐT ngày 23/2/1999 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hệ chính quy và Quyết định số 20/2000/QĐ-BGDĐT ngày 08/6/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một

số điều của Quy chế Tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hệ chính quy;

Theo đề nghị của các Vụ trưởng Vụ Đại học, Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định này quy định việc thi tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng đối với hình thức vừa học vừa làm (hệ tại chức cũ) thuộc phương thức giáo dục không chính quy.

Việc tuyển sinh đối với hình thức học từ xa và tự học có hướng dẫn quy định tại các văn bản khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Các trường đại học, cao đẳng, khi tuyển sinh vào đại học, cao đẳng theo hình thức vừa học vừa làm, thực hiện theo các quy định sau:

1. Áp dụng đầy đủ các quy định tại các Điều 2, 3, 5, khoản 1 và khoản 3 Điều 7, các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, khoản 1 và khoản 3 Điều 15, các Điều 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39 của Quy chế Tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 05/1999/QĐ-BGDĐT ngày 23/2/1999 và đã được sửa đổi và bổ sung theo Quyết định số 20/2000/QĐ-BGDĐT ngày 08/6/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Quy chế 05).

2. Kỳ thi tuyển sinh:

a) Hằng năm, các trường đại học, cao đẳng có chỉ tiêu tuyển sinh theo hình thức vừa học vừa làm, tổ chức kỳ thi để tuyển thí sinh vào đào tạo theo hình thức vừa học vừa làm của trường.

Hiệu trưởng các trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện cả bốn khâu chính trong công tác tuyển sinh: ra đề thi, tổ chức kỳ thi, chấm thi và chấm lại, xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển theo đúng các quy định của Quy chế 05.

b) Tháng 11 hằng năm, Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ